TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ QUAO** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2020/DS-ST
Ngày: 30/9/2020
V/v "*Tranh chấp kiện đòi nợ do mua bán tôm giống, thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoài Thanh.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Thành Thật;
2. Bà Vũ Thị Đào.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa: Ông Võ Hoàng Hạt - Kiểm sát viên.

Ngày 30/9/2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 131/2018/TLST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2018 về việc "Tranh chấp kiện đòi nợ do mua bán tôm giống, thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2020/QĐXXST-DS, ngày 28 tháng 8 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 42/2020/QĐST-DS ngày 25/9/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị Th - sinh năm 1975 (có mặt);
Địa chỉ: Ấp T1, xã V, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T - sinh năm 1965 (vắng mặt);
Bà Trương Thị T2 - sinh năm 1965 (vắng mặt);
Cùng địa chỉ: Ấp M, xã V3, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/9/2018 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Võ Thị Th trình bày: Tôi có bán thức ăn nuôi tôi, tôm giống và thuốc nuôi thủy sản nên bà T2, ông T mua tôm giống, thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản từ ngày 08/6/2012 đến ngày 26/9/2015 và còn nợ của tôi số tiền 26.322.000 đồng và không trả cho tôi. Vào ngày 24/02/2016 thì hai bên đã chốt sổ với nhau.

Nay, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T2, ông T trả cho tôi số tiền còn nợ là 26.322.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày 24/02/2016 cho đến nay, trả 01 lần dứt nợ.

Tại biên bản tự khai đề ngày 21/6/2019 bị đơn bà Trương Thị T2 trình bày: Tôi thừa nhận tôi có mua tôm giống, thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản của bà Th nhưng tôi không nhớ từ ngày tháng năm nào tới ngày tháng năm nào nhưng tôi nhớ là tôi còn nợ số tiền khoảng 16 triệu đồng. Tôi có sổ con mua hàng đều ghi đầy đủ, hôm nay tôi quên mang theo nên tôi sẽ gửi sau cho Tòa án.

Nay bà Th khởi kiện thì vợ chồng tôi yêu cầu trả số tiền 26.322.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 26/9/2015 cho đến nay thì tôi không đồng ý vì tôi chỉ nợ số tiền khoảng 16 triệu đồng mà thôi. Đối với số tiền tôi còn nợ thì tôi xin trả làm 3 lần.

Tại biên bản lấy lời khai đề ngày 06/3/2020 đồng bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày: Tôi thừa nhận vợ chồng tôi có mua tôm giống, thức ăn nuôi tôm và thuốc nuôi thủy sản của bà Th là đúng sự thật nhưng mua ngày tháng năm nào tôi không biết và còn thiếu bao nhiêu tiền tôi cũng không biết vì vợ tôi giao dịch với bà Th còn tôi không có giao dịch với bà Th nên tôi không biết. Do đó, vợ tôi đồng ý trả bao nhiêu thì tôi cũng đồng ý theo ý kiến của vợ tôi.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã tuân thủ các thủ tục về thụ lý vụ án, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết của Tòa án cũng như các thủ tục hòa giải, thủ tục tố tụng tại phiên tòa là đúng theo qui định. Tuy nhiên, cũng còn một số vi phạm như: Vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử nên đề nghị Tòa án khắc phục sau này.

Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các bên đương sự, cũng như tại phiên tòa hôm nay, đối chiếu với các quy định của pháp luật Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông T, bà T2 phải trả cho bà Th số tiền là 26.322.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 24/02/2016 đến ngày xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ông Nguyễn Văn T và bà Trương Thị T2 là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng ông T có đơn xin xét xử vắng mặt còn bà T2 được triệu tập hợp lệ không có mặt, căn cứ vào Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử là phù hợp.

[2]. Về nội dung: Hai bên đương sự đã thừa nhận là vợ chồng bà T2, ông T có đến cửa hàng vật tư nông nghiệp của bà Th mua tôm giống, thức ăn nuôi tôm và thuốc nuôi thủy sản là đúng sự thật.

Xét về yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Th thì HĐXX thấy rằng: Vợ chồng ông T, bà T2 có đến cửa hàng vật tư nông nghiệp của bà Th để mua tôm giống, thức ăn nuôi tôm và thuốc nuôi thủy sản về sản xuất nhiều năm nên khi mua bán với nhau thì bà Th có ghi sổ sách rõ ràng, cụ thể và bà Th cũng có giao cho ông T, bà T2 một cuốn sổ để ghi tôm giống, thức ăn nuôi tôm, thuốc nuôi thủy sản và số tiền. Đồng thời, khi ông T, bà T2 trả tiền thì bà Th có ghi vào sổ giao cho ông bà và bà Th cũng ghi vào sổ lưu của bà. Đồng thời, giữa bà Th và bà T2 có

chốt nợ với nhau vào ngày 24/02/2016 thì bà T2 còn thiếu số tiền là 26.322.000 đồng có chữ ký tên và ghi họ tên của bà T2 vào sổ của bà Th. Do đó, yêu cầu của bà Th là phù hợp với thực tế giữa giao dịch mua tôm giống, thức ăn nuôi tôm và thuốc nuôi thủy sản ở địa phương và có căn cứ chấp nhận.

Xét về lời trình bày của bà T2 thì thấy rằng: Bà thừa nhận có mua tôm giống, thức ăn nuôi tôm và thuốc nuôi thủy sản của bà Th là đúng sự thật nhưng không nhớ cụ thể từ năm nào đến năm nào và bà cũng thừa nhận còn thiếu bà Th số tiền tôm là khoảng 16.000.000 đồng chứ bà không có thiếu bà Th số tiền là 26.322.000 đồng nhưng bà T2 không đưa ra chứng cứ gì để chứng minh là mình còn thiếu bà Th khoảng 16.000.000 đồng. Mặt khác, Tòa án đã triệu tập bà T2, ông T nhiều lần nhưng ông bà vắng mặt tại Tòa án không lý do. Đồng thời, Tòa án đã thông báo cho bà T2, ông T cung cấp chứng cứ chứng minh là mình còn số tiền bà Th số tiền là khoảng 16.000.000 đồng nhưng ông bà không cung cấp được chứng cứ gì để chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, lời trình bày của bà T2 là không có căn cứ chấp nhận.

[3]. Đối với "Giấy chốt nợ" lập ngày 24/02/2016 với nội dung "*Nợ số tiền là 26.322.000 đồng*" do nguyên đơn cung cấp. Giấy chốt nợ này có chữ ký và ghi họ tên của bà T2. Như nhận định trên là bà T2, ông T đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng ông bà vắng mặt tại Tòa án không lý do và Tòa án thông báo yêu cầu ông bà cung cấp nhưng không bà không thực hiện. Do đó, HĐXX không có căn cứ xem xét yêu cầu của ông bà.

Việc vợ chồng ông T, bà T2 còn nợ bà Th số tiền mua vật tư nông nghiệp là 26.322.000 đồng nhưng vợ ông ông T, bà T2 không trả được nợ cho bà Th là vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 290 của Bộ luật dân sự năm 2005. Do đó, buộc ông T, bà T2 phải trả số tiền còn thiếu cho bà Th là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Về lãi suất: Xét về yêu cầu tính lãi suất của bà Th thì HĐXX xét thấy: Bà Th yêu cầu tính lãi suất trên tổng số tiền gốc từ ngày 24/02/2016 đến ngày xét xử là có căn cứ chấp nhận. Bởi vì, ông T, bà T2 thừa nhận việc mua tôm giống, thức ăn và thuốc thủy sản còn nợ là phải tính lãi suất là đúng nên ông bà yêu cầu của bà Th miễn tính lãi suất vì vốn gốc không có khả năng trả. Mặc khác, giá tôm giống, thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản hiện nay tăng cao so với thời điểm mua hàng của ông T, bà T2 nên bà Th đã bị thiệt hại. Đồng thời, ông T, bà T2 yêu cầu bà Th miễn lãi nhưng không được bà Th chấp nhận nên không có căn cứ xem xét yêu cầu miễn lãi của ông T, bà T2. Do vậy, việc bà Th yêu cầu tính lãi là đúng với thực tế và hợp pháp nên HĐXX chấp nhận.

Ngoài ra, tại khoản 2 Điều 305 của Bộ luật dân sự năm 2005 có quy định: *"Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, trừ trường hợp có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác".*

Căn cứ vào quy đinh trên thì việc bà Th yêu cầu ông T, bà T2 phải chịu lãi chậm trả theo lãi suất Nhà nước quy định là có căn cứ và hợp pháp. Do đó, về

thời gian tính lãi từ ngày 24/02/2016 đến ngày xét xử là ngày 30/9/2020 là 55 tháng 06 ngày.

Nên theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9,0%/năm : 12 tháng = 0,75%/tháng.

Số tiền lãi được tính như sau: (26.322.000đ x 0,75%/tháng) x 55 tháng 06 ngày = 10.897.308 đồng.

Tổng cộng vốn và lãi là: 26.322.000đ + 10.897.308đ = 37.219.308đ (Ba mươi bảy triệu hai trăm mười chín nghìn ba trăm lẻ tám đồng).

[5] Tại phiên tòa vị đại Đại diện Viện kiểm sát cũng đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi nợ do mua tôm giống, thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản của bà Võ Thị Th đối với ông Nguyễn Văn T, bà Trương Thị T2 nên lời đề nghị này của vị đại Đại diện Viện kiểm sát có căn cứ và đúng pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

Từ những phân tích đánh giá trên cùng với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát và sau khi thảo luận, nghị án HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi nợ do mua tôm giống, thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản của bà Võ Thị Th đối với ông Nguyễn Văn T, bà Trương Thị T2. Buộc ông Nguyễn Văn T, bà Trương Thị T2 phải trả cho bà Võ Thị Th số tiền là 37.219.308đ (ba mươi bảy triệu hai trăm mười chín nghìn ba trăm lẻ tám đồng).

[6]. Về án phí DSST: Do yêu cầu của bà Võ Thị Th được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn T, bà Trương Thị T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 37.219.308đ x 5 % = 1.860.965,4đ làm tròn là 1.861.000đ (một triệu tám trăm sáu mươi một nghìn đồng).

Bà Võ Thị Th được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đây là 658.000đ (Sáu trăm năm mươi tám nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008771, ngày 12/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9, Điều 290, khoản 2 Điều 305 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 468 và Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Th đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T, bà Trương Thị T2.

Buộc ông ông Nguyễn Văn T, bà Trương Thị T2 phải có trách nhiệm trả cho bà Võ Thị Th số tiền là 37.219.308đ (Ba mươi bảy triệu hai trăm mười chín nghìn ba trăm lẻ tám đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Võ Thị Th cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông Nguyễn Văn T, bà Trương Thị T2 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí DSST có giá ngạch là: 1.861.000đ (một triệu tám trăm sáu mươi một nghìn đồng), buộc ông Nguyễn Văn T, bà Trương Thị T2 phải nộp.

Bà Võ Thị Th được nhận lại số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp là 658.000đ (Sáu trăm năm mươi tám nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008771, ngày 12/12/2018 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7, Điều 7a và Điều 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Bà Võ Thị Th có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 30/9/2020. Ông Nguyễn Văn T và bà Trương Thị T2 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Gò Quao;
- Chi cục THADS huyện Gò Quao;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Hoài Thanh